

**Deloitte.**

**CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT  
DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ**  
*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2012



## MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3-4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7-20

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Văn Khiêm  
Ông Dương Trí Hội  
Ông Đặng Hữu Thắng  
Ông Nguyễn Ngọc Hiếu  
Ông Phạm Văn Quý  
Ông Trần Văn Thắng  
Ông Lê Quang Thành

Chủ tịch  
Thành viên  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)  
Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)  
Thành viên (miễn nhiệm ngày 01 tháng 4 năm 2012)  
Thành viên

#### Ban Giám đốc

Ông Dương Trí Hội  
Ông Nguyễn Tiến Sỹ  
Ông Phạm Tuấn Sơn

Giám đốc  
Phó Giám đốc  
Phó Giám đốc

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng kỳ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Dương Trí Hội  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Số: 204 /Deloitte-AUDHN-RE

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi:** Các Cổ đông  
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bằng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính") của Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ (gọi tắt là "Công ty"), từ trang 3 đến trang 20. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 - Công tác soát xét Báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.



Khúc Thị Lan Anh  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0036/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**

Ngày 02 tháng 8 năm 2012  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Trần Huy Công  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0891/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>249.168.111.837</b>	<b>161.505.645.856</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>203.045.796.333</b>	<b>120.457.635.194</b>
1. Tiền	111		13.045.796.333	2.757.635.194
2. Các khoản tương đương tiền	112		190.000.000.000	117.700.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>2.600.000.000</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	5	2.600.000.000	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.289.520.345</b>	<b>18.208.179.043</b>
1. Phải thu khách hàng	131		8.615.625.323	3.281.455.783
2. Trả trước cho người bán	132		1.828.804.388	6.137.599.927
3. Các khoản phải thu khác	135	6	11.845.090.634	8.789.123.333
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>21.010.195.159</b>	<b>21.300.895.460</b>
1. Hàng tồn kho	141		23.238.094.659	21.300.895.460
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.227.899.500)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>222.600.000</b>	<b>1.538.936.159</b>
1. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	1.224.130.248
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	304.805.911
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		222.600.000	10.000.000
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=220+260)	<b>200</b>		<b>33.611.891.761</b>	<b>34.612.117.239</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31.787.218.391</b>	<b>32.896.062.351</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	17.801.901.847	18.685.782.155
- Nguyên giá	222		21.912.840.510	21.441.382.601
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.110.938.663)	(2.755.600.446)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	13.985.316.544	14.210.280.196
- Nguyên giá	228		14.417.827.000	14.417.827.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(432.510.456)	(207.546.804)
<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.824.673.370</b>	<b>1.716.054.888</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	1.814.673.370	1.706.054.888
2. Tài sản dài hạn khác	268		10.000.000	10.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>282.780.003.598</b>	<b>196.117.763.095</b>

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2012	31/12/2011
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>127.562.512.607</b>	<b>56.379.837.271</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>127.386.606.941</b>	<b>56.159.944.105</b>
1. Phải trả người bán	312		91.936.222.100	39.908.349.911
2. Người mua trả tiền trước	313		16.112.625.801	7.396.037.682
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	11	5.658.860.421	941.888.724
4. Phải trả người lao động	315		5.607.087.059	2.246.358.337
5. Chi phí phải trả	316		1.735.546.713	-
6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	12	2.534.562.291	3.465.454.400
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		3.801.702.556	2.201.855.051
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>175.905.666</b>	<b>219.893.166</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		50.000.000	50.000.000
2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		125.905.666	169.893.166
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>155.217.490.991</b>	<b>139.737.925.824</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>13</b>	<b>155.217.490.991</b>	<b>139.737.925.824</b>
1. Vốn điều lệ	411		125.000.000.000	125.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		5.518.610.251	2.765.131.997
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.759.305.127	1.382.565.999
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		21.939.575.613	10.590.227.828
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>282.780.003.598</b>	<b>196.117.763.095</b>



Đương Tri Hội  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Võ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

MẪU SỐ B 02-DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.783.465.723.043	1.063.232.083.484
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		27.590.537.039	9.252.585.772
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	14	1.755.875.186.004	1.053.979.497.712
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	14	1.693.360.253.746	1.020.796.088.861
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		62.514.932.258	33.183.408.851
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	5.263.782.054	8.115.504.092
7. Chi phí tài chính	22		-	(51.420.015)
8. Chi phí bán hàng	24		14.581.189.079	4.730.932.197
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16.517.892.265	7.267.334.895
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30=(20+21)-(22+24+25))	30		36.679.632.968	29.249.225.836
11. Thu nhập khác	31		33.410.433	7.537.500
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		33.410.433	7.537.500
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		36.713.043.401	29.256.763.336
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	17	9.178.260.850	7.314.190.840
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		27.534.782.551	21.942.572.496
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		2.203	1.755



Dương Trí Hội  
Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

Vũ Ngọc Phương  
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012

**MẪU SỐ B 03-DN**  
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	36.713.043.401	29.256.763.336
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	1.580.301.869	607.791.718
- Các khoản dự phòng	03	2.227.899.500	-
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(5.263.782.054)	(8.115.504.092)
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	35.257.462.716	21.749.050.962
- (Tăng) các khoản phải thu	09	(3.069.811.054)	(11.853.769.283)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(1.937.199.199)	49.546.987.656
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	64.290.473.402	(64.706.838.196)
- (Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	(108.618.482)	565.255.477
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.581.100.510)	(9.890.356.100)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(2.530.369.879)	(4.220.199.901)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>88.320.836.994</i>	<i>(18.809.869.385)</i>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(471.457.909)	(301.284.711)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(2.600.000.000)	-
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.263.782.054	8.115.504.092
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>2.192.324.145</i>	<i>7.814.219.381</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(7.925.000.000)	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	<i>(7.925.000.000)</i>	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	50	<i>82.588.161.139</i>	<i>(10.995.650.004)</i>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	120.457.635.194	119.200.658.053
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	203.045.796.333	108.205.008.049



Dương Trí Hội  
 Giám đốc

Ngày 02 tháng 8 năm 2012

*(Signature)*  
 Võ Ngọc Phương  
 Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 7 đến trang 20 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ



h



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ ("Công ty") tiền thân là Công ty TNHH Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852 ngày 31 tháng 12 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp và các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sửa đổi. Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305918852, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần ("Tổng Công ty") nắm giữ 75% vốn điều lệ.

Công ty có bốn (4) Chi nhánh hạch toán phụ thuộc và hoạt động tại Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước và Tây Ninh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 65 người (31/12/2011: 64 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty bao gồm: Bán buôn, bán lẻ các loại phân bón, các sản phẩm hóa chất; Bán buôn thực phẩm, gạo, nông, lâm sản nguyên liệu; Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp; Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh; Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan (trừ khí dầu mỏ hóa lỏng I.P.G); Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy nội địa; Tư vấn, hướng dẫn kỹ thuật sử dụng phân bón và hóa chất; Kinh doanh dịch vụ logistic; Kinh doanh bất động sản; Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ; Sản xuất hóa chất cơ bản; Sản xuất Dung dịch khoan và hóa phẩm dầu khí, chất dùng cho khoan thăm dò và khai thác dầu khí, công nghiệp, luyện cán thép; Quảng cáo; Nghiên cứu thị trường và thăm dò địa chất; Khai thác khoáng chất và khoáng phân bón; Kinh doanh dịch vụ logistic.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp báo cáo tài chính của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và báo cáo văn phòng Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Đông Nam Bộ. Các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các đơn vị hạch toán phụ thuộc trong Công ty được loại trừ khi trình bày báo cáo tài chính của Công ty.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, chi phí phải trả và phải trả dài hạn khác.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua hàng hóa và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua hàng hóa, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với tài sản cố định hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo Quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 20
Phương tiện vận tải	6
Thiết bị văn phòng	2 - 5

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình phản ánh giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất và thời gian sử dụng ước tính cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Phần mềm	4
Quyền sử dụng đất	32 - 50

**Thuê hoạt động**

Thuê hoạt động của Công ty thể hiện tiền thuê văn phòng. Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

**Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ kế toán.



h

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại phải được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	105.819.712	346.619.857
Tiền gửi ngân hàng	12.939.976.621	2.411.015.337
Các khoản tương đương tiền	190.000.000.000	117.700.000.000
	<u>203.045.796.333</u>	<u>120.457.635.194</u>

Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 12%/năm đến 14%/năm.

**5. KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN**

Khoản đầu tư ngắn hạn là khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 12 tháng (từ ngày 29 tháng 02 năm 2012 đến ngày 28 tháng 02 năm 2013) với lãi suất 12%/năm.

**6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	11.794.276.190	8.472.093.333
Phải thu khác	50.814.444	317.030.000
	<u>11.845.090.634</u>	<u>8.789.123.333</u>

**7. HÀNG TỒN KHO**

	30/6/2012	31/12/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Hàng hóa	23.026.355.750	21.300.895.460
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	211.738.909	-
	<u>23.238.094.659</u>	<u>21.300.895.460</u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.227.899.500)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện được	<u>21.010.195.159</u>	<u>21.300.895.460</u>

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc <u>VND</u>	Phương tiện vận tải <u>VND</u>	Thiết bị văn phòng <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	16.733.943.680	1.906.325.365	2.801.113.556	21.441.382.601
Mua trong kỳ	-	-	471.457.909	471.457.909
Tại ngày 30/6/2012	16.733.943.680	1.906.325.365	3.272.571.465	21.912.840.510
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>				
Tại ngày 01/01/2012	630.634.660	480.814.331	1.644.151.455	2.755.600.446
Khấu hao trong kỳ	832.125.069	157.992.358	365.220.790	1.355.338.217
Tại ngày 30/6/2012	1.462.759.729	638.806.689	2.009.372.245	4.110.938.663
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
Tại ngày 30/6/2012	<u>15.271.183.951</u>	<u>1.267.518.676</u>	<u>1.263.199.220</u>	<u>17.801.901.847</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>16.103.309.020</u>	<u>1.425.511.034</u>	<u>1.156.962.101</u>	<u>18.685.782.155</u>

Nguyên giá các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 là 448.013.724 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 448.013.724 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	Phần mềm <u>VND</u>	Tổng cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	14.362.577.000	55.250.000	14.417.827.000
Tại ngày 30/6/2012	14.362.577.000	55.250.000	14.417.827.000
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2012	164.364.540	43.182.264	207.546.804
Khấu hao trong kỳ	221.847.970	3.115.682	224.963.652
Tại ngày 30/6/2012	386.212.510	46.297.946	432.510.456
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2012	13.976.364.490	8.952.054	13.985.316.544
Tại ngày 31/12/2011	14.198.212.460	12.067.736	14.210.280.196

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>	Từ 01/02/2011 đến 31/12/2011 <u>VND</u>
Số dư đầu kỳ	1.706.054.888	-
Tăng do chuyển đổi	-	921.473.927
Tăng trong kỳ	3.593.244.742	3.341.145.775
Phân bổ vào chi phí trong kỳ	(3.484.626.260)	(2.556.564.814)
Số dư cuối kỳ	1.814.673.370	1.706.054.888

**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	279.121.769	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.292.354.429	-
Thuế thu nhập cá nhân	87.384.223	941.888.724
	5.658.860.421	941.888.724

**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC**

	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty Cổ phần	50.814.444	317.030.000
Phải trả, phải nộp khác	2.483.747.847	3.148.424.400
	2.534.562.291	3.465.454.400

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Số dư tại 01/02/2011	-	-	-	-	-
Tăng do chuyển đổi	125.000.000.000	538.783.585	269.391.792	3.771.485.125	129.579.660.502
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	27.651.319.946	27.651.319.946
Trích từ lợi nhuận	-	2.765.131.997	1.382.565.999	(4.147.697.996)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.163.394.122)	(4.163.394.122)
Trả cổ tức	-	(538.783.585)	(269.391.792)	(12.521.485.125)	(13.329.660.502)
Số dư tại 01/01/2012	125.000.000.000	2.765.131.997	1.382.565.999	10.590.227.828	139.737.925.824
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	27.534.782.551	27.534.782.551
Trích từ lợi nhuận (1)	-	2.753.478.254	1.376.739.128	(4.130.217.382)	-
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(4.130.217.384)	(4.130.217.384)
Trả cổ tức (2)	-	-	-	(7.925.000.000)	(7.925.000.000)
Số dư tại 30/6/2012	125.000.000.000	5.518.610.251	2.759.305.127	21.939.575.613	155.217.490.991

(1) Trong kỳ, căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 16/NQ-ĐNB ngày 29 tháng 3 năm 2012, Công ty đã tiến hành tạm trích Quỹ đầu tư phát triển là 2.753.478.254 đồng, Quỹ dự phòng tài chính là 1.376.739.128 đồng và Quỹ khen thưởng, phúc lợi là 4.130.217.384 đồng từ lợi nhuận trong kỳ.

(2) Đồng thời, Công ty cũng quyết định trả cổ tức với số tiền 7.925.000.000 đồng từ lợi nhuận năm trước chưa phân phối theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 số 16/NQ-ĐNB ngày 29 tháng 3 năm 2012 với mức chi là 6,34% mệnh giá cổ phần.

**Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 đồng. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn điều lệ		Vốn góp tại ngày 30/6/2012	
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	93.750.000.000	75%	93.750.000.000	75%
Cổ đông khác	31.250.000.000	25%	31.250.000.000	25%
	<u>125.000.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>125.000.000.000</u>	<u>100%</u>

**Cổ phần phát hành**

	<u>30/6/2012</u>	<u>31/12/2011</u>
<b>Cổ phần được phép phát hành</b>		
Số lượng cổ phần	12.500.000	12.500.000
Mệnh giá - VND/cổ phần	10.000	10.000
<b>Tổng giá trị - VND</b>	<u>125.000.000.000</u>	<u>125.000.000.000</u>
<b>Đã phát hành và được thanh toán đầy đủ</b>		
Số lượng cổ phần	12.500.000	12.500.000
Mệnh giá- VND/cổ phần	10.000	10.000
<b>Tổng giá trị- VND</b>	<u>125.000.000.000</u>	<u>125.000.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)**

Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần không được hưởng lợi tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với tài sản thuần của Công ty.

**14. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ KHU VỰC ĐỊA LÝ**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp. Trong kỳ, Công ty không có hoạt động sản xuất kinh doanh nào khác, theo đó thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 6 năm 2012 và toàn bộ doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 là liên quan đến hoạt động kinh doanh các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp.

**Doanh thu - Giá vốn theo lĩnh vực kinh doanh cụ thể như sau:**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Doanh thu phân bón	1.771.264.407.602	1.055.212.605.258
Doanh thu hóa chất	7.518.502.628	6.357.727.745
Doanh thu khác	4.682.812.813	1.661.750.481
	<u>1.783.465.723.043</u>	<u>1.063.232.083.484</u>
Giảm giá hàng bán	(6.692.571.428)	-
Chiết khấu thương mại	(20.897.965.611)	(9.252.585.772)
	<u>1.755.875.186.004</u>	<u>1.053.979.497.712</u>
	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Giá vốn phân bón	1.682.476.987.924	1.013.625.573.493
Giá vốn hóa chất	6.678.692.056	5.724.592.453
Giá vốn khác	4.204.573.766	1.445.922.915
	<u>1.693.360.253.746</u>	<u>1.020.796.088.861</u>

Trong kỳ, sản phẩm hàng hóa của Công ty (bao gồm các loại phân bón và các sản phẩm hóa chất) chủ yếu được phân phối tại khu vực các tỉnh miền Đông Nam Bộ. Do đó, Công ty không phải trình bày báo cáo tài chính theo khu vực địa lý.

**15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

Doanh thu hoạt động tài chính thể hiện khoản thu lãi tiền gửi tại các ngân hàng trong kỳ hoạt động.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**16. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>
Chi phí nhân công	12.478.508.263	4.600.874.098
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.580.751.869	607.886.225
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.244.394.984	8.235.429.684
	<u>35.303.655.116</u>	<u>13.444.190.007</u>

**17. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>
Lợi nhuận trước thuế	36.713.043.401	29.256.763.336
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	-	24
Thu nhập chịu thuế	<u>36.713.043.401</u>	<u>29.256.763.360</u>
Thuế suất	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>9.178.260.850</u>	<u>7.314.190.840</u>

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong kỳ là số tạm tính dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Việc quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được thực hiện vào cuối năm tài chính.

**18. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 <u>VND</u>	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011 <u>VND</u>
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	901.636.364	751.363.636

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
Trong vòng một năm	1.157.100.000	1.983.600.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	-	165.300.000
	<u>1.157.100.000</u>	<u>2.148.900.000</u>

Khoản thanh toán thuê hoạt động thể hiện tổng diện tích thuê văn phòng tại tầng 9, tầng 10, tầng 11 tòa nhà PVFCCo SBD Building với tổng giá thuê là 165.300.000 đồng/tháng (đã bao gồm thuế VAT). Hợp đồng thuê này có thời hạn hai năm từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 đến ngày 31 tháng 01 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2012 <u>VND</u>	31/12/2011 <u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	203.045.796.333	120.457.635.194
Đầu tư ngắn hạn	2.600.000.000	-
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.460.715.957	12.070.579.116
<b>Tổng cộng</b>	<b>226.106.512.290</b>	<b>132.528.214.310</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Phải trả người bán và phải trả khác	94.470.784.391	43.373.804.311
Chi phí phải trả	1.735.546.713	-
Phải trả dài hạn khác	50.000.000	50.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.256.331.104</b>	<b>43.423.804.311</b>

Công ty chưa tiến hành đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (là rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro về giá hàng hóa**

Công ty mua hàng hóa từ Tổng Công ty và các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của hàng hóa. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**19. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không, theo đó Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trợ giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng trình bày dòng tiền của các khoản gốc. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	94.470.784.391	-	94.470.784.391
Chi phí phải trả	1.735.546.713	-	1.735.546.713
Phải trả dài hạn khác	-	50.000.000	50.000.000
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	43.373.804.311	-	43.373.804.311
Phải trả dài hạn khác	-	50.000.000	50.000.000

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

30/6/2012	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	203.045.796.333	-	203.045.796.333
Đầu tư ngắn hạn	2.600.000.000	-	2.600.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	20.460.715.957	-	20.460.715.957
31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	120.457.635.194	-	120.457.635.194
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.070.579.116	-	12.070.579.116

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	3.341.183.215	1.879.865.530
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần - Nhà máy Đạm Phú Mỹ	-	4.747.280.801
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	4.755.014.316	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	6.880.952.381	-
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	1.998.885.000	29.342.857.143
Tổng Công ty Cổ phần Dung dịch Khoan và Hóa phẩm Dầu khí	29.714.285.713	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	1.867.695.313	1.014.690.945
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Dầu khí - Chi nhánh Miền Trung	56.235.238.097	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	1.589.940.000	-
Tổng Công ty Cổ phần Tài chính Dầu khí Việt Nam	-	2.134.722.223
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Bình Dương	3.069.742.857	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Cà phê Petec tại Lâm Đồng	504.761.905	-
<b>Mua hàng hóa và dịch vụ</b>		
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	89.995.091.906	-
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	1.340.818.442.468	834.592.726.667
Công ty Cổ phần Phân bón và Hóa chất Dầu khí Tây Nam Bộ	2.722.857.143	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán Dầu khí	-	106.818.182
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Cửu Long	32.345.455	271.610.872
Công ty Cổ phần Vận tải Dầu khí Đông Dương	78.122.950	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	495.900.000	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	-	3.265.238.096
Tổng Công ty Cổ phần Dung dịch khoan và hóa phẩm Dầu khí	-	1.823.826.000
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	93.507.883	36.550.031
Công ty TNHH Thẩm định giá EIC Việt Nam	31.343.068	-

Thu nhập Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012	Từ 01/02/2011 đến 30/6/2011
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.396.697.609	1.101.137.431

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**20. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2012, số dư với các bên liên quan như sau:

	<b>30/6/2012</b>	<b>31/12/2011</b>
	<b><u>YND</u></b>	<b><u>YND</u></b>
<b>Phải thu khách hàng</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	555.056.731
Công ty Cổ phần Phân Bón và Hóa chất Dầu khí Miền Trung	275.330.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	97.928.160	460.058.679
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	69.642.000	-
Công ty Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch	602.334.525	-
<b>Ứng trước cho nhà cung cấp</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	-	5.615.097.357
<b>Phải thu khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	11.794.276.190	8.472.093.333
<b>Phải trả người bán</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	82.202.885.859	-
Công ty Cổ phần Quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam	93.281.200	2.000.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	5.379.137.500	34.618.257.800
Tổng Công ty Bảo hiểm Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh	11.151.613	-
<b>Khách hàng trả tiền trước</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng Hợp Dầu Khí - Chi nhánh Miền Trung	-	103.020.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Thái Bình Dương	256.000.000	111.880.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	508.518.000	1.300.860.000
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Nam	1.122.000.000	-
<b>Phải trả khác</b>		
Tổng Công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - Công ty Cổ phần	50.814.444	317.030.000

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo*

**21. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

Số liệu trình bày trên cột so sánh của Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh tương ứng là số liệu cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 02 năm 2011 (ngày Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu doanh nghiệp từ Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sang Công ty cổ phần) đến ngày 30 tháng 6 năm 2011, các số liệu này đã được soát xét nhưng chỉ mang tính tham khảo và không so sánh được với số liệu của kỳ hiện tại do không cùng kỳ kế toán.



**Dương Trí Hội**  
Giám đốc

*Ngày 02 tháng 8 năm 2012*

**Võ Ngọc Phương**  
Kế toán trưởng

PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ ĐÔNG NAM BỘ

h